

MỤC LỤC

- 1. Tầm nhìn và sứ mệnh**
- 2. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 3. Thông tin công ty**
 - Giới thiệu về công ty
 - Cơ cấu tổ chức công ty
 - Giới thiệu Hội đồng quản trị
 - Giới thiệu Ban kiểm soát
 - Giới thiệu Ban điều hành
 - Thông tin cổ đông
- 4. Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- 5. Báo cáo Ban điều hành**
 - Tổng quan hoạt động kinh doanh
 - Phân tích chỉ số tài chính
 - Kế hoạch hành động năm 2013
- 6. Báo cáo của Ban kiểm soát**
- 7. Báo cáo quản trị**
- 8. Quản trị rủi ro**
- 9. Báo cáo tài chính**
- 10. Hướng đến cộng đồng**
- 11. Hệ thống các chi nhánh**

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH

Tâm nhìn

Trở thành công ty hàng đầu của Việt Nam trong ngành hóa mỹ phẩm phục vụ cho thị trường Việt Nam và quốc tế.

Sứ mệnh

Cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm với chất lượng và giá cả hợp lý nhất, luôn hướng tới mọi hoạt động của Công ty nhằm phục vụ sự thỏa mãn khách hàng.

PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2012 đã qua đi trong bối cảnh kinh tế thế giới đang trong cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và khủng hoảng nợ công Châu Âu vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, mặc dù đã có những biện pháp điều chỉnh về lãi suất kết hợp với những chính sách hỗ trợ của chính phủ, nhưng năm 2012 cũng đánh dấu sự đuối sức của các doanh nghiệp sau gần một nửa thập niên trong cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Với những dự báo về tình hình kinh tế trong năm, Hội đồng Quản trị đã tập trung theo sát và có những chỉ đạo kịp thời, cùng với sự điều hành linh hoạt nhiều sáng tạo của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của cán bộ, nhân viên công ty là một trong những yếu tố chính đã giúp SCC vượt qua những khó khăn, tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi. SCC được người tiêu dùng tin nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế khó khăn nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức lợi nhuận đề ra.

Với sản lượng tiêu thụ đạt 10 triệu sản phẩm cho thị trường xuất khẩu và nội địa, SCC đã đạt được kết quả về doanh thu, lợi nhuận trong năm 2012. Đặc biệt, doanh thu thuần tăng 31% so với năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 13 tỷ đồng tăng 18% so với cùng kỳ năm 2011, kết quả này cho thấy hoạt động SCC tiếp tục phát triển, tạo ra giá trị gia tăng và bền vững hơn.

Với kết quả nêu trên một lần nữa đã minh chứng khẳng định SCC đang bước những bước đi vững chắc trên con đường trở thành một trong những thương hiệu sản xuất và kinh doanh mỹ phẩm có uy tín tại Việt Nam, khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục đích tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và toàn xã hội.

Bước sang năm 2013, khi công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, dự báo kinh tế sẽ còn nhiều khó khăn hơn so năm 2012, nhưng nỗ lực trong năm 2012 đã tạo tiền đề cho sự phát triển kinh doanh trong năm 2013. Chúng tôi tin tưởng rằng với năng lực và nguồn lực của SCC sẽ đủ khả năng thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh trong năm 2013.

Thay mặt Công ty, HĐQT tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý khách hàng, các cổ đông, đối tác trong và ngoài nước, Ban điều hành cùng đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã luôn đồng hành và ủng hộ để Công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn luôn đạt được nhiều thành quả mới.

Mong rằng trong thời gian tới Công ty tiếp tục được sự cộng tác và hỗ trợ của quý vị đó chính là nguồn động lực để Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn sẽ mãi xứng đáng với sự tin nhiệm của quý vị.

Chúng tôi xin tri ân quý vị đã gắn bó với chúng tôi trong suốt quá trình công ty phát triển đến nay, đã tin cậy và sử dụng sản phẩm công ty đó là động lực để Mỹ Phẩm Sài Gòn tiếp tục vươn lên vị trí xứng đáng trong lòng mọi người mọi lúc và mọi nơi.

Cuối cùng kính chúc quý vị được nhiều sức khỏe, thành công trên mọi lĩnh vực.
Xin chân thành cảm ơn.

Tp. HCM, ngày 17 tháng 06 năm 2013

TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ Tịch



Nguyễn Kim Hoa

THÔNG TIN CÔNG TY

✓ GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển công ty

➤ Giai đoạn công ty là doanh nghiệp nhà nước (1990 đến 1999)

- **Năm 1990:** thành lập Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn, tiền thân là hãng nước hoa Imortel trước năm 1975.
- **Năm 1992:** Xí nghiệp Mỹ phẩm Sài Gòn được chuyển thành Công ty Mỹ phẩm Sài Gòn, trực thuộc Sở Công Nghiệp, hạch toán độc lập.

➤ Giai đoạn cổ phần hóa (1999 -2011...)

- **Năm 1999:** Trở thành Công ty cổ phần Mỹ phẩm Sài Gòn theo Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 28/01/2000.
- **Năm 2001 đến 2003:** Triển khai và áp dụng thành công ISO 9001: 2000 vào công tác quản trị hệ thống
- **Năm 2003 đến 2005:** Đầu tư mua và xây dựng nhà máy mới tại 930 Nguyễn Thị Định, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Quận 2, TP.HCM.
Năm 2005 : Nhận chứng chỉ ISO 9001:2000
- **Năm 2006 :** Khánh thành nhà máy, di dời toàn bộ 3 nhà xưởng cũ về nhà máy mới hoạt động với dây chuyền sản xuất khép kín, máy móc thiết bị hiện đại. Bao gồm 1 khu văn phòng; 03 phân xưởng sản xuất chính: nước hoa, xà bông, và dầu gội; 02 khu pha chế và 01 kho hàng.
- **Năm 2007:** Chính thức trở thành công ty đại chúng, công bố thông tin theo quy định
- **Năm 2009 :** Xây dựng hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu hướng đến cộng đồng
- **Năm 2010 - 2012:** Trở thành 1 trong những đơn vị đầu tiên trong ngành mỹ phẩm đạt được chứng nhận CGMP ASEAN. Nhận chứng chỉ ISO 9001:2008

2. Các danh hiệu nổi bật

Qua hơn 20 năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vinh dự đạt được rất nhiều danh hiệu, trong đó nổi bật bao gồm :

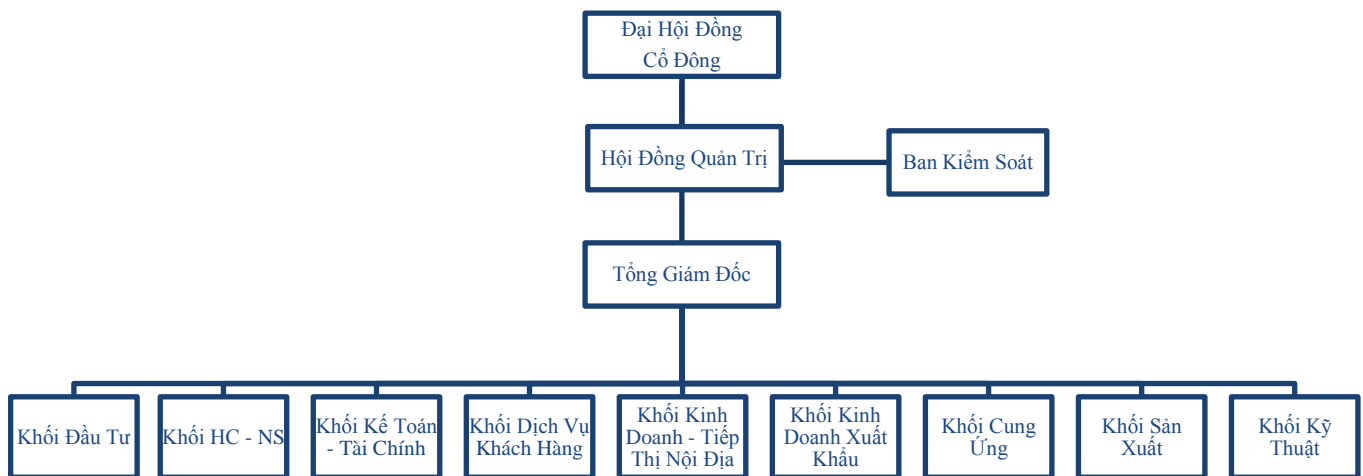
Năm	Tên danh hiệu	Tổ chức trao tặng
1994	Huân chương lao động hạng Ba	Chủ tịch nước
2000	Huân chương lao động hạng Nhì	Chủ tịch nước
2004	Thương hiệu mạnh	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2005	Thương hiệu Việt yêu thích	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2006	“Top 5” ngành hàng mỹ phẩm của cả nước	Báo Sài gòn tiếp thị
2006	Huân chương lao động hạng Nhất	Chủ tịch nước
2007	Doanh nghiệp mỹ phẩm duy nhất được giải thưởng “ WIPO ” về sở hữu trí tuệ	Liên Hiệp Quốc
2007	Bằng danh dự đã có thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ các tài năng sáng tạo Khoa học – Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2005-2007	Quỹ hỗ trợ sáng tạo Kỹ thuật Việt Nam (VIFOTEC)
2008 - 2010	Thương hiệu nước hoa Miss Saigon đạt giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng”	VCCI & SC Nielsen
2009	Top 500 thương hiệu mạnh	VCCI
2010	Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh xuất sắc trong 05 năm liền	Thủ tướng chính phủ
1997 -2012	Hàng Việt Nam chất lượng cao 16 năm liên tiếp (1997 – 2012) và được người tiêu dùng bình chọn : “Sản phẩm tốt nhất”.	Báo Sài Gòn Tiếp thị

2011	Cúp vàng Top ten Thương hiệu Việt-ứng dụng khoa học kỹ thuật	TT NC-UD Phát triển Thương hiệu Việt
2011	Sao Vàng Đất Việt	
2007 - 2011	Cúp Bông Hồng Vàng 5 năm liền	VCCI
2012	Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập doanh nghiệp lớn VN	VN report và tạp chí thuế, Vietnam net

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại mỹ phẩm, các loại chất tẩy rửa.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp mỹ phẩm, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hóa mỹ phẩm.
- Thực hiện các dịch vụ thẩm mỹ.
- Kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà ở, văn phòng.

✓ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



Số lượng lao động

Tổng số lượng lao động hiện nay tại Công ty là 392 người.

Cơ cấu lao động phân theo đối tượng lao động

Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ
Lao động trực tiếp	107	35%
Lao động gián tiếp	285	65%
Tổng cộng	392	100%

Cơ cấu lao động phân chia theo trình độ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	04	8%
Đại học	71	18%
Cao đẳng, Trung cấp	49	13%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	268	68%
Tổng cộng	392	100%

a. Chính sách đào tạo

Hàng năm, Công ty lập kế hoạch đào tạo từ đào tạo tay nghề cho công nhân đến đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên (bao gồm đào tạo nội bộ và đào tạo từ bên ngoài). Việc huấn luyện hay đào tạo lại cũng được Công ty thực hiện ngay khi thay đổi kỹ thuật hay cách thức, cơ cấu tổ chức sản xuất.

b. Chính sách đối với người lao động

- Bên cạnh chế độ chính sách khuyến khích nhân tài, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng của mình.
- Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật và luật lao động được Bộ lao động quy định như: ký hợp đồng trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn...

Chính sách lương: Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao

động gắn bó lâu dài với công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Chính sách trợ cấp: Ngoài tiền lương, thưởng, người lao động ở còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động được Công ty thực hiện tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm.

Hiện tại, vẫn duy trì chế độ ăn trưa hàng ngày với chất lượng đảm bảo cho CBCNV trong Công ty. Hàng năm vào dịp lễ, Công ty tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, vào dịp hè tổ chức các chuyến nghỉ mát cho toàn thể CBCNV.

✓ GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên năm 2008 tổ chức ngày 08/12/2009, Đại Hội cổ đông có tiến hành bầu cử HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2010-2014

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, gồm 07 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Nguyễn Kim Thoa	Chủ tịch HĐQT	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lý Nguyễn Lan Phương	Thành viên HĐQT	1984	Cử nhân Tài Chính
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	Thành viên HĐQT	1959	Cử nhân Kinh tế
4	Trần Phương Ivy	Thành viên HĐQT	1976	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
5	Lê Duy Cường	Thành viên HĐQT	1967	Kỹ sư Hoá
6	Huỳnh Khôn	Thành viên HĐQT	1945	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên HĐQT	1976	Cử nhân Dược

Trong số 7 thành viên của Hội đồng Quản trị có 2 thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành và 1 thành viên là tổ chức do ông Nguyễn Hồng Tâm đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra). Các thành viên HĐQT thường xuyên liên lạc, tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng nhằm thảo luận về tình hình hoạt động của công ty kịp thời đưa ra những quyết định định hướng cho Ban điều hành.

✓ GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát (BKS)

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Đào Nam Việt	Trưởng ban	1954	Kỹ sư Hóa
2	Lê Quang Dũng	Thành viên	1973	Thạc sĩ QTKD
3	Hà Như Linh	Thành viên	1955	Cử nhân Tài chính

Trong năm 2012, Ban Kiểm Soát đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Thù lao của Hội Đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định là 2.5% /LNTT.

✓ GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

Stt	Họ và tên	Chức danh	Sinh năm	Chuyên môn
1	Lý Nguyễn Lan Phương	Tổng Giám đốc	1984	Cử nhân Tài Chính
2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Giám đốc Đầu tư	1976	Cử nhân Dược
3	Lê Quang Dũng	Giám đốc xuất khẩu	1973	Cử nhân Luật
4	Lê Duy Cường	Giám đốc Kỹ Thuật Đảm Bảo Chất Lượng	1967	Kỹ sư Hoá
5	Đào Nam Việt	Giám đốc Sản xuất	1954	Kỹ sư Hoá

6	Ngô Tuyết Xuân	Phó Giám Dịch vụ khách hàng	1974	Cử nhân Kinh tế
7	Nguyễn Hồng Tâm	Giám đốc Hành chính nhân sự	1959	Cử nhân Kinh tế
8	Trần Ngọc Cẩm	Giám đốc Tài chính	1964	Cử nhân Kinh tế
9	Nguyễn Quốc Sử	Giám đốc Cung ứng	1963	Kỹ sư Hoá

✓ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Thời điểm 31/12/2011, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trên vốn cổ phần :

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	655.697	8,13%
2	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Lee Juay Meng	582.229	7,22%
4	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
5	Bà Trần Phương Ivy	974,057	12,08%

Số lượng cổ phiếu sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/vốn cổ phần hiện tại
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	655.697	8,13%
2	Ông Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	588.816	7,30%
3	Ông Huỳnh Khôn	527.900	6,55%
4	Ông Lê Duy Cường	150.584	1,87%
5	Bà Lý Nguyễn Lan Phương	251.618	3,12%
6	Bà Trần Phương Ivy	974,057	12,08%
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	155.216	1,93%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Tình hình kinh tế chung năm 2012

Năm 2012 đã qua đi trong bối cảnh thế giới đang trong cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu. Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, mặc dù chính phủ đưa ra nhiều biện pháp nhưng kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn và chưa có dấu hiệu phục hồi.

Theo báo cáo chính phủ tại quốc hội với những nét chính như sau :

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2012 đạt 5,03% thấp hơn so với năm 2011 là 5,89%.
- Tỷ lệ nhập khẩu thấp nhất kể từ năm 2002 đến nay, đây là tín hiệu suy giảm về sản xuất và tiêu dùng trong nước.
- Mức tồn kho tăng 20,1% so với năm 2011.
- Nguyên nhân kiềm chế lạm phát:
 - o Chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa được thực hiện quyết liệt nửa đầu 2012
 - o Sức mua yếu nửa cuối năm 2012.
- Nợ xấu Ngân hàng được báo cáo ở mức 8-10%.
- Theo VCCI năm 2012 có khoảng 381,000 doanh nghiệp ngưng hoạt động, đóng cửa và giải thể.

2. Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2012

2.1.Thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi :

- Tình hình tài chính lành mạnh.
- Hoạt động kinh doanh năm 2012 không phụ thuộc nguồn vốn vay ngân hàng.
- Cân đối tỷ trọng doanh thu giữa nội địa và xuất khẩu hợp lý, giúp công ty phòng ngừa rủi ro và về tỷ giá (nguyên vật liệu nhập khẩu).
- HĐQT và Ban điều hành luôn theo sát và điều chỉnh hoạt động công ty trong tình hình kinh tế diễn biến phức tạp.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và sáng tạo.

Khó khăn :

- Sức mua cho sản phẩm tiêu dùng của thị trường nội địa giảm mạnh.
- Thị trường mỹ phẩm cạnh tranh chưa lành mạnh, một số hình thức như trốn thuế, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của một số doanh nghiệp cùng ngành và hàng nhập lậu bán tràn lan.

- Giá tiêu dùng các nguyên vật liệu đầu vào, giá xăng dầu và giá điện liên tục tăng.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012

- Trong năm 2012, Công ty đã thay đổi chính sách tín dụng, lành mạnh hóa hệ thống thanh toán, giảm công nợ, tăng tính thanh khoản.
- Công ty đã vượt qua những khó khăn, tiếp tục khẳng định quá trình phát triển mạnh mẽ nhờ chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi đã được xây dựng trong suốt quá trình phát triển. SCC được người tiêu dùng tín nhiệm dù trong giai đoạn kinh tế khó khăn nhưng công ty vẫn tăng trưởng vượt mức lợi nhuận đề ra.
- Với sản lượng tiêu thụ đạt 10 triệu sản phẩm cho thị trường xuất khẩu và nội địa, SCC đã đạt được kết quả về sản lượng doanh thu trong năm 2012. Đặc biệt, doanh thu thuần tăng 31% so với năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 13 tỷ đồng tăng 18% so với cùng kỳ năm 2011, kết quả này cho thấy hoạt động SCC tiếp tục phát triển, tạo ra giá trị gia tăng và bền vững hơn.
- Niên độ tài chính 2012 cũng đánh dấu bước phát triển thị trường xuất khẩu. Bên cạnh việc ổn định và tăng trưởng hệ thống phân phối ở các thị trường cơ bản xuất khẩu đẩy mạnh khai thác thị trường mới. Xuất khẩu đã đa dạng hóa kênh bán hàng nhằm thích nghi với tình hình kinh tế phức tạp diễn biến của toàn cầu, ổn định được nguồn thu ngoại tệ, phục vụ nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, giúp công ty giảm thiểu rủi ro chênh lệch tỷ giá.
- Kênh nội địa cũng đã phát triển thị phần khuếch trương sâu rộng và tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ năm 2011 là 47% (chênh lệch tăng là 40 tỷ đồng).
- Bên cạnh đó, nhằm phát triển mạng lưới tiêu thụ, việc tập trung đầu tư nghiên cứu để cho ra những sản phẩm mới, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng được chú trọng. Trong niên độ vừa qua, công ty đã nghiên cứu thành công và giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm Sabrina và một số sản phẩm tiêu dùng cho xuất khẩu và các trung tâm thương mại có nhu cầu sử dụng mỹ phẩm cao cấp. Việc ra đời sản phẩm này hứa hẹn một thị trường phát triển ổn định trong tương lai. Công ty tiếp tục đầu tư áp dụng các quy trình quản lý theo chuẩn mực quốc tế ISO 9000 và CGMP, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất để đáp lại sự quan tâm và tin tưởng của người tiêu dùng.

Năm 2012 Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận như sau:

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 :*ĐVT: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2012	TH 2012/ KH2012(%)	TH 2011	TH 2012/ TH2011(%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	194,80	199,66	98%	153,58	127%
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (Đvt : đồng)	1,374	1,362	101%	1,315	105%
Lợi nhuận trước thuế	13,00	12,90	101%	11,00	118%

- Doanh thu năm 2012 của công ty đạt 194,8 tỷ đồng tăng 27% so với cùng kỳ năm 2011 (chênh lệch tăng 41,2 tỷ đồng).
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012: 13 tỷ đồng tăng 18% so cùng kỳ năm 2011(chênh lệch tăng 2 tỷ đồng).
- Cổ tức : 8%.
- Kết quả kinh doanh 2012 cho thấy SCC tiếp tục phát triển ổn định mặc dù tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp. Kết quả kinh doanh chứng minh sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT và sự năng động nhạy bén của Ban điều hành đạt hiệu quả tốt, tạo đà phát triển công ty một cách bền vững.

Về nguồn vốn chủ sở hữu:*ĐVT : Đồng*

Stt	Nội dung	Thời điểm 31/12/2012	Thời điểm 31/12/2011
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	80,630,390,000	80,630,390,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	24,544,846,942	24,544,846,942
3	Quỹ đầu tư phát triển	5,886,298,963	5,038,013,146
4	Quỹ dự phòng tài chính	4,997,435,748	4,467,257,113
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17,836,880,010	16,832,820,534
	Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu	133,895,851,663	131,513,327,735

Bảng đề xuất phân phối lợi nhuận năm 2012:**ĐVT: Đồng**

Stt	Nội dung	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối (1+2)	22,674,703,410
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các năm trước (sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2011)	11,592,926,119
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2012	11,081,777,291
II	Chi cổ tức đợt 1 năm 2012 (đã tạm ứng - tỷ lệ 6%)	4,837,823,400
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo báo cáo kiểm toán thời điểm 31/12/2012 sau khi tạm ứng cổ tức đợt 1-2012 (I-II)	17,836,880,010
IV	Phân phối lợi nhuận (1+2)	2,942,421,075
1	Trích lập các quỹ	1,329,813,275
	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	554,088,865
	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (5%)	554,088,865
	Quỹ đầu tư phát triển (2%)	221,635,545
2	Chi cổ tức đợt 2 năm 2012 (sẽ chia tỷ lệ 2%)	1,612,607,800
V	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức đợt 2 - năm 2012 (III -IV)	14,894,458,935

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2013**3.1 Dự báo môi trường kinh doanh năm 2013:**

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2013, nhất là trong nửa đầu năm sẽ còn khó khăn hơn cả năm 2012 do sức ép và khó khăn về nợ xấu, tính thanh khoản kém của các ngân hàng thương mại, đầu tư sụt giảm, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản đóng băng, giá cả nguyên vật liệu tăng, tồn kho cao, sức mua trì trệ, theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến tháng 5/2013, cả nước có tới 23,226 doanh nghiệp đã ngừng hoạt động, đóng cửa hoặc phá sản...

3.2 Thị trường mỹ phẩm Việt Nam 2013 :

Việt Nam là thị trường rất tiềm năng đối với ngành mỹ phẩm do người tiêu dùng chi tiền cho mỹ phẩm bình quân chỉ 4 USD/người/năm, còn quá ít so với các nước khác. Thị trường cũng sẽ đi theo hướng đòi hỏi những sản phẩm cao cấp hơn. Các sản phẩm cao cấp ngày càng nhiều, nhưng sản phẩm thông thường vẫn chiếm ưu

thể, để gia tăng thị phần các nhà sản xuất của các sản phẩm thông thường sẽ phải mở rộng thêm đối tượng khách hàng.

Doanh thu toàn ngành mỹ phẩm và chăm sóc cá nhân năm 2013 được dự đoán 15,316.8 tỷ đồng, tăng 4.1% so với 2012, trong đó doanh thu nước hoa là 595.4 tỷ, tăng 7.6%/ so với năm 2012 (Nguồn: Euromonitor October 2012).

3.3 Cơ hội và thách thức:

(+) Thị phần nước hoa có nhiều cơ hội tăng trưởng lớn khi Avon chính thức chấm dứt hoạt động kinh doanh tại thị trường Việt Nam vào T1/2013.

(+) Người tiêu dùng bắt đầu tin dùng vào chất lượng sản phẩm hàng Việt Nam với mức giá phù hợp và chất lượng được công nhận.

(-) Tình hình kinh tế khó khăn và chưa hồi phục trong năm 2013, khả năng sức mua sẽ tiếp tục giảm.

(-) Tình hình cạnh tranh trong ngành mỹ phẩm chưa lành mạnh, một số hình thức như trốn thuế, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và hàng nhập lậu vẫn bán tràn lan.

(-) Tình trạng bất ổn về kinh tế và chính trị tại các nước giao thương với SCC.

3.4 Kế hoạch doanh thu năm 2013

Năm 2013 còn nhiều khó khăn thách thức khó dự đoán được. Tuy nhiên Công ty luôn vận dụng những thử thách để biến thành thuận lợi nhằm phát triển công ty đi lên trong tình hình kinh tế còn diễn biến phức tạp.

SCC đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013 với chỉ tiêu như sau :

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	KH 2013	TH 2012	KH/TH(%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	196,000,000,000	194,807,769,148	101%
Lợi nhuận trước thuế	13,500,000,000	13,000,773,645	104%

Dự kiến tỷ lệ chia cổ tức : 8%

Trong năm 2013 do tình hình còn diễn biến nhiều rủi ro khó lường trước được nên Công ty đã xây dựng kế hoạch để nhằm tập trung về chiều sâu, đầu tư cải tiến sản phẩm và phát triển sản phẩm mới, giữ vững thị phần thông qua hoạt động quảng bá thương hiệu hình ảnh công ty đến người tiêu dùng, xây dựng hệ thống phân phối...

Tóm tắt định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013:

- Giữ vững và gia tăng thị phần.
- Phát triển ngành hàng tiêu dùng.
- Nâng cao năng suất và hiệu quả kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012 là một năm với nhiều khó khăn cho nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng, SCC không tránh khỏi ảnh hưởng của những khó khăn đó như lạm phát, giá nguyên vật liệu tăng cao, sức mua của người tiêu dùng giảm.

Tuy nhiên, với nỗ lực của toàn Công ty năm 2012 tổng tài sản năm 2012 đã tăng 2% so với 2011 chủ yếu do lợi nhuận tạo ra trong năm 2012. Doanh thu thuần tăng 31%, do trong năm công ty đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển, xây dựng hệ thống bán lẻ trực tiếp đến người tiêu dùng, tung ra nhiều sản phẩm mới, đầu tư mạnh công tác quảng bá thương hiệu, truyền thông,.. Do vậy, các chi phí tuy có tăng nhưng doanh thu cũng đã tăng mạnh mẽ không những duy trì được lợi nhuận mà còn lợi nhuận trước thuế đã tăng 18% so cùng kỳ năm 2011.

2. Phân tích các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ số về khả năng thanh toán		
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2.24	2.19
<hr/>		
<input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh:		
TSLĐ - Hàng tồn kho	1.33	
Nợ ngắn hạn		1.07
2. Chỉ số về cơ cấu vốn		
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.31	0.24
<hr/>		
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.24	0.32

3. Chỉ số về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn

kho:

Giá vốn hàng bán 2.27 2.52

Hàng tồn kho bình quân

Doanh thu thuần/Tổng tài sản 0.81 1.03

4. Chỉ số về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần 7.7% 6.1%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 8.1% 8.3%

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản 6.2% 6.3%

Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần 7.0% 6.9%

- Từ bảng trên ta thấy các chỉ số thanh toán tốt, chỉ số thanh toán ngắn hạn hệ số an toàn là 2,19 lần, thanh toán nhanh hay còn gọi là thử axit là 1,07 lần, từ hệ số này cho thấy tình hình đảm bảo thanh khoản công ty rất tốt, đảm bảo thanh toán được các khoản nợ đến hạn.
- So với năm 2011 hệ số nợ công ty giảm, tỷ trọng số nợ so với vốn và tài sản rất an toàn. Công ty hoạt động không phụ thuộc nguồn vốn vay, điều này giúp công ty giảm áp lực chi phí tài chính, đồng thời đây là cơ hội rất tốt để tiếp cận, thu xếp nguồn vốn để đầu tư trong kế hoạch phát triển mở rộng kinh doanh khi thuận lợi.
- Các chỉ số về năng lực hoạt động so với năm 2011 đều tăng, từ vòng quay hàng tồn kho, doanh thu/tổng tài sản, điều này giúp quay nhanh vòng vốn, sử dụng tài sản hiệu quả hơn, giúp gia tăng lợi nhuận.
- Các chỉ số sinh lời đều gần bằng và vượt so với năm 2011.

3. Kế hoạch hành động trong năm 2013

✓ **Quản trị :**

- Nâng cao năng suất làm việc từng cá nhân và các bộ phận.
- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí.

✓ **Nhân sự :**

- Xây dựng văn hóa, môi trường làm việc chuyên nghiệp.
- Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá năng lực dựa trên kết quả công việc.
- Xây dựng chính sách giữ, thu hút, và phát triển nhân tài.



Giao lưu chia sẻ kinh nghiệm quản lý cùng các Nữ doanh nhân Nhật Bản

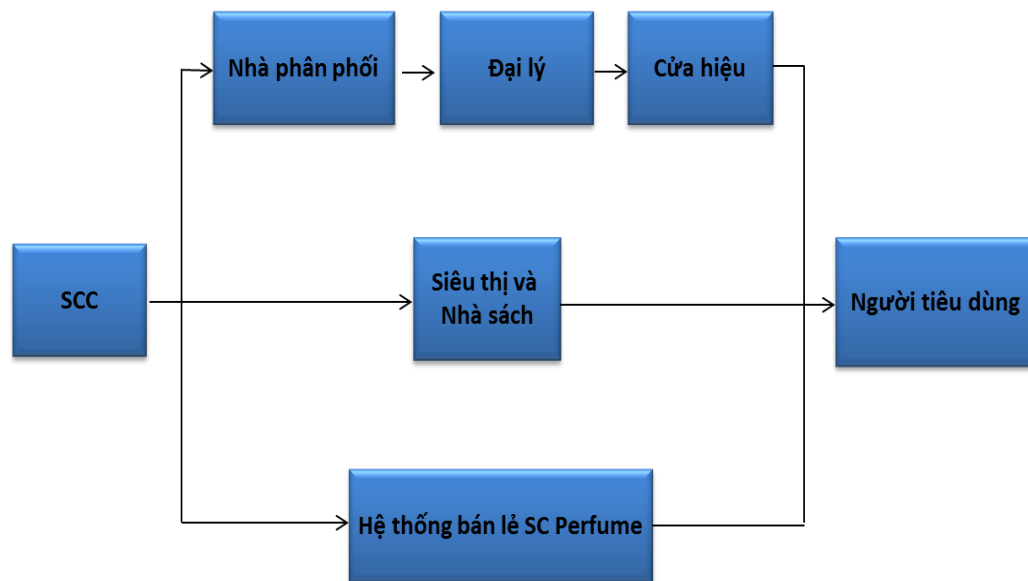
✓ **Tài chính kế toán**

- Phát triển mạnh mẽ kế toán quản trị làm cơ sở:
 - Quản trị rủi ro
 - Định hướng chiến lược tài chính phát triển công ty
 - Kiểm soát chi phí

✓ **Kinh doanh -Tiếp thị**

Thị trường nội địa :

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối toàn quốc nhằm gia tăng doanh số và thị phần.
- Tập trung đầu tư quảng bá thương hiệu sản phẩm chủ lực.
- Phát triển đa dạng hóa sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu khách hàng.
- Triển khai kế hoạch và quy trình chăm sóc khách hàng và giám sát các hoạt động kinh doanh.



Hệ thống Showroom tư vấn và giới thiệu sản phẩm tại siêu thị Lotte quận 7



Phối hợp Công đoàn viên chức thành phố tài trợ cuộc thi “*Nét đẹp công sở*”



Giới thiệu sản phẩm mới dành cho tuổi Teen “Sabrina”

✓ **Thị trường xuất khẩu:**

- Tập trung đầu tư và xây dựng hệ thống phân phối tại các thị trường trọng điểm.
- Đầu tư và phát triển thị trường mới.
- Xây dựng các chính sách nhằm hỗ trợ hoạt động xuất khẩu.



Hội chợ tại Hội chợ tại Phnom Penh, Campuchia

✓ **Sản xuất và Bảo hộ lao động:**

Nhằm gia tăng năng suất lao động, tối ưu hóa các quy trình sản xuất nhưng vẫn đảm bảo thực hiện bảo vệ môi trường chung và an toàn trong sản xuất, Công ty thực hiện đầu tư các dự án như sau :

- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải.
- Thay đổi hệ thống đường ống PCCC.
- Hệ thống xử lý nước trong quá trình sản xuất.
- Hệ thống điện lạnh...



✓ **Nghiên cứu phát triển – Quản lý chất lượng:**

- Đào tạo đội ngũ kỹ sư năng động và sáng tạo.
- Phối hợp với tiếp thị thực hiện các chương trình nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng.
- Trong năm bộ phận đã nghiên cứu thành công và cho ra đời bộ sưu tập nước hoa, nước hoa xịt toàn thân, sữa tắm dành cho tuổi Teen mang thương hiệu Sabrina : Sabrina Candylove, Sabrina See Breeze, Sabrina Youth Dew, và dầu gội : bồ kết Fresh, bồ kết Fresh hương bưởi...



Bộ sưu tập nước hoa MissVietnam mang hình dáng thiếu nữ 3 miền làm bằng gốm sứ cao cấp



Bộ sưu tập nước hoa xịt toàn thân và sữa tắm mới Sabrina Candy love cho Teen.



Bộ sưu tập nước hoa xịt toàn thân và sữa tắm mới Sabrina Sea Breeze cho Teen.



Sản phẩm mới Bồ kết Fresh hương nhu - ru làn tóc Việt

✓ **Cung ứng**

- Tìm kiếm các nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng, có giá thành cạnh tranh nhất.
- Lập kế hoạch và triển khai đấu thầu chọn lựa những nhà cung cấp chiến lược lâu dài.
- Củng cố và tăng cường chức năng bộ phận Điều phối Sản xuất.

✓ **Đầu tư:**

- Khai thác và quản lý các dự án bất động sản.
- Đánh giá và đề xuất các hoạt động đầu tư tăng lợi nhuận công ty.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác các công ty nước ngoài, Quỹ đầu tư

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

I. Năm 2012 Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động như sau:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ cụ thể và thực thi việc kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra;
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, điều lệ và các qui định nội bộ của Ban lãnh đạo trong việc điều hành, quản lý công ty;
- Phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị Công ty để báo cáo và tham vấn thông qua các cuộc họp trong năm.
- Kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012;

II- Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2012

1. Lập kế hoạch và thực thi việc kiểm tra:

- Chúng tôi đã lên kế hoạch kiểm tra và phân công cụ thể cho các thành viên để tiến hành giám sát ở các lĩnh vực: Tài chính-Kế toán, Nhân sự, Cung ứng, Kỹ thuật, Sản xuất, Kinh doanh và Tiếp thị.
- Phương pháp kiểm soát: tiến hành họp với các lãnh đạo bộ phận để yêu cầu báo cáo về tình hình hoạt động, nghiên cứu các báo cáo quý, báo cáo tháng, yêu cầu cung cấp hồ sơ cần thiết để đảm bảo tính trung thực khách quan, đối chiếu so sánh giữa kế hoạch và thực hiện, Phỏng vấn nhân sự có liên quan để tìm hiểu thêm vấn đề cần làm rõ.
- Trong năm 2012, BKS có bốn cuộc họp chính thức để trao đổi về kết quả hoạt động, đánh giá tình hình kiểm soát công ty cũng như đưa ra các vấn đề cần trao đổi với Hội đồng quản trị.

2. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã tiến hành với các kết quả như sau:
- Công ty đã tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, chuyên nghiệp, có uy tín để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 đó là công ty A&C;
- Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2012 đợt 1 tỷ lệ là 6% cho các cổ đông vào tháng 12/2012, đợt 2 dự kiến tỷ lệ 2% sẽ xin ý kiến tại Đại hội.
- Trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Ban Lãnh Đạo luôn tuân thủ các qui định của Pháp luật, điều lệ Công ty và các qui định nội bộ nghiêm túc, đảm bảo hiệu quả.

3. Phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ.
- Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã mời BKS họp 6 lần để tham gia ý kiến vào các quyết định trong kinh doanh, nghe BKS báo cáo tình hình giám sát các bộ phận. Hai bên cũng đã thẳng thắn trao đổi về các kết quả kiểm soát để làm rõ những nội dung liên quan.

4. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2012

- Qua kết quả kinh doanh 2012 cho thấy SCC tiếp tục phát triển ổn định và bền vững mặc dù tình hình kinh tế vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường. Và điều này chứng minh công tác điều hành HĐQT rất nhạy bén và sự năng động nhiều sáng tạo của Ban điều hành.
- Doanh thu năm 2012 của công ty đạt 194,8 tỷ đồng tăng 27% so với cùng kỳ năm 2011.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2012: 13 tỷ đồng, tăng 18% so cùng kỳ năm 2011.
- Cổ tức : 8%.
(các số liệu cụ thể đề nghị tham khảo phụ lục 01/HĐQT/2013 đính kèm)

- Điểm nổi bật năm 2012 Ban điều hành đã thay đổi chính sách tín dụng, giảm công nợ, tăng tính thanh khoản, cân đối tốt tỷ trọng doanh thu giữa xuất khẩu và nội địa giảm rủi ro tỷ giá.
- Kết quả kinh doanh trên đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán A&C, BKS sau khi nghiên cứu Báo cáo nhận thấy :
- Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu, hiệu suất quay vòng vốn đều đạt chuẩn cao; Công ty đã chủ động sử dụng nguồn tiền có được của công ty không phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng đang có nhiều biến động.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành tốt, lợi nhuận vượt so kế hoạch đề ra.

III. Kết luận, Kiến nghị:

- Trong suốt quá trình hoạt động năm 2012, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT, Ban Lãnh đạo cùng các nhân sự chủ chốt của Công ty đã làm việc nghiêm túc, hết lòng vì mục tiêu chung, luôn phấn đấu nâng cao năng suất, sáng tạo, không ngại khó khăn để quyết tâm hoàn thành mục tiêu kinh doanh đồng thời cũng đã hợp tác tốt với BKS trong vấn đề thực thi việc kiểm tra giám sát công ty.
- Về tài chính các số liệu rõ ràng, minh bạch. Hoạt động điều hành không vi phạm vào qui định của Pháp luật cũng như điều lệ công ty. Chi phí được kiểm soát chặt chẽ, tiết kiệm không lãng phí, các báo cáo phản ánh trung thực tình hình công ty.
- Chúng tôi cũng xin kiến nghị HĐQT và BLĐ tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, liên tục đổi mới trong năm 2013 này cũng như những năm tới để công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn trở thành một công ty đứng đầu trong ngành hóa mỹ phẩm Việt Nam.
- Với tinh thần này, chúng tôi tin tưởng mục tiêu sẽ đạt được nhờ vào năng lực quản trị, xây dựng và phát triển doanh nghiệp của HĐQT, BDH và toàn thể cán bộ, công nhân viên của SCC. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông,

toàn thể cán bộ CNV đã tin tưởng, ủng hộ và kính chúc Công ty ngày càng phát triển.

Kính chúc sức khỏe quý cổ đông,

TM. Ban Kiểm Soát
Trưởng Ban



Dao Nam Viet

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Nguyễn Kim Thoa	CT. HĐQT	6/6	100%
2	Lý Nguyễn Lan Phương	TV. HĐQT	6/6	100%
3	Nguyễn Hồng Tâm Đại diện phần vốn nhà nước	TV. HĐQT	6/6	100%
4	Ivy Phương Trần	TV. HĐQT	6/6	100%
5	Lê Duy Cường	TV. HĐQT	6/6	100%
6	Huỳnh Khôn	TV. HĐQT	6/6	100%
7	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TV. HĐQT	6/6	100%

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và những quyết sách chỉ đạo bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động điều hành của Ban giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2012 HĐQT đã thực hiện các công việc sau:

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư bất động sản và công tác tổ chức nhân sự.
- HĐQT luôn chú trọng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty.
- HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- HĐQT luôn giám sát Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.
- HĐQT thường xuyên giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức và thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh.
- Giám sát lập kế hoạch kinh doanh năm 2012

- Giám sát hoạt động kiểm toán kết quả kinh doanh năm 2011.
- Giám sát triển khai kế hoạch đại hội cổ đông thường niên năm 2011. HĐQT họp duyệt các vấn đề cần trình trong đại hội cổ đông bao gồm : (1) Báo cáo HĐQT về kết quả hoạt động Công ty năm 2011; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012; (2) Báo cáo Ban kiểm soát về tình hình hoạt động và tài chính năm 2011; (3) Tờ trình số 06/HĐQT/2012 về phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2011;(4) Tờ trình số 07/HĐQT/2012 đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;(5) Tờ trình số 08/HĐQT/2012 dự kiến thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2012.

✓ **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	04/HĐQT/2012	8/4/2012	Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2012
2	05/HĐQT/2012	8/5/2012	Thay đổi công năng dự án tại địa chỉ 762 XVNT, P28, QBT
3	06/HĐQT/2012	27/06/2012	V/v phân phối lợi nhuận năm 2011
4	07/HĐQT/2012	27/06/2012	V/v đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ
5	08/HĐQT/2012	27/06/2012	V/v phê duyệt thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát năm tài chính 2012
6	09/HĐQT/2012	27/06/2012	Nghị quyết đại hội đồng năm 2011
7	10/HĐQT/2012	20/11/2012	Phân công các bộ phận, Thống nhất tài trợ “ tri ân khách hàng thân thiết ”
8	11/HĐQT/2012	25/12/2012	Thống nhất Kế hoạch kinh doanh năm 2013
9	12/HĐQT/2012	25/12/2012	Tạm ứng cổ tức 6%

QUẢN TRỊ RỦI RO

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Đối với các khách hàng giao dịch lần đầu hay không thường xuyên thì phải thanh toán trước theo hợp đồng cho các đại lý. Ngoài ra, nhân viên phòng kinh doanh thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.108.470.150	-	-	-	24.108.470.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.791.680.526	-	-	-	2.791.680.526
Phải thu khách hàng	11.589.560.015	-	-	524.881.662	12.114.441.677
Các khoản phải thu khác	856.899.492	-	-	-	856.899.492
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	2.667.036.046	2.667.036.046
Cộng	39.346.610.183	-	-	3.191.917.708	42.538.527.891
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.309.581.195	-	-	-	23.309.581.195
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	23.587.562.969	-	-	618.023.739	24.205.586.708
Các khoản phải thu khác	2.301.105.943	-	-	153.520.813	2.454.626.756
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	5.346.633.002	5.346.633.002
Cộng	49.198.250.107	-	-	6.118.177.554	55.316.427.661

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	17.083.041.393	-	-	17.083.041.393
Các khoản phải trả khác	11.706.107.052	461.910.000	-	12.168.017.052
Cộng	28.789.148.445	461.910.000	-	29.251.058.445

Số đầu năm

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả người bán	11.888.681.313	-	-	11.888.681.313
Các khoản phải trả khác	22.442.831.235	538.673.040	-	22.981.504.275
Cộng	34.331.512.548	538.673.040	-	34.870.185.588

Chúng tôi cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với dòng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.949.960,33	219.920,92	122.437,03	6.938,18
Phải thu khách hàng	119.229,30	-	637.249,72	-
Phải trả người bán	(260.465,14)	348,00	(179.615,80)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.808.724,49	220.268,92	580.070,95	6.938,18

Chúng tôi đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Chúng tôi đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN						
Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh						
BÁO CÁO TÀI CHÍNH						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012						
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Năm 2012						
Đơn vị tính: VND						
CHỈ TIÊU			Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	194,807,769,148	153,588,469,971	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03		13,561,072,958	15,003,531,353	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	181,246,696,190	138,584,938,618	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VL2	104,932,596,973	80,461,953,744	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76,314,099,217	58,122,984,874	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	3,036,713,176	2,041,227,950	
7.	Chi phí tài chính	22	VL4	(286,697,404)	2,852,896,867	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		84,593,518	474,332	
8.	Chi phí bán hàng	24	VL5	49,872,849,279	31,119,030,683	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	17,533,010,010	14,185,485,234	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,231,650,508	12,006,800,040	
11.	Thu nhập khác	31	VL7	834,965,111	54,506,581	
12.	Chi phí khác	32	VL8	65,841,974	1,058,688,331	
13.	Lợi nhuận khác	40		769,123,137	(1,004,181,750)	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,000,773,645	11,002,618,290	
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	1,918,996,354	399,045,581	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,081,777,291	10,603,572,709	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	1,374	1,315	

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

						Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		91,824,636,172	89,698,971,875	
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,108,470,150	23,309,581,195	
1.	Tiền	111		6,121,337,643	5,296,884,760	
2.	Các khoản tương đương tiền	112		17,987,132,507	18,012,696,435	
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,694,842,526	1,969,182,376	
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,458,716,572	5,346,633,002	
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,763,874,046)	(3,377,450,626)	
III.	Các khoản phải thu	130		14,422,708,885	25,117,414,691	
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.4	12,114,441,677	24,205,586,708	
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	2,359,585,693	1,277,635,053	
3.	Phải thu nội bộ	133		-	-	
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.6	336,638,392	176,143,984	
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(387,956,877)	(541,951,054)	
IV.	Hàng tồn kho	140		46,958,668,364	36,480,898,811	
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	48,474,548,991	38,090,192,813	
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(1,515,880,627)	(1,609,294,002)	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2,639,946,247	2,821,894,802	
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		170,262,566	176,184,100	
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,497,782,590	872,863,535	
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-	
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-	
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	971,901,091	1,772,847,167	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		84,387,206,913	82,346,641,127
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		51,441,326,128	48,473,577,527
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.11	22,079,603,919	19,006,652,875
<i>Nguyên giá</i>		222		45,832,442,137	41,884,937,188
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(23,752,838,218)	(22,878,284,313)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.12	28,686,699,093	28,954,425,036
<i>Nguyên giá</i>		228		29,584,426,854	29,551,226,854
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(897,727,761)	(596,801,818)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.13	675,023,116	512,499,616
III. Bất động sản đầu tư		240	V.14	1,324,422,262	1,381,862,753
<i>Nguyên giá</i>		241		1,391,137,000	1,391,137,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		(66,714,738)	(9,274,247)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		30,000,000,000	30,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.15	30,000,000,000	30,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác		258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		1,621,458,523	2,491,200,847
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.16	1,573,138,523	1,985,565,242
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.17	48,320,000	505,635,605
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		176,211,843,085	172,045,613,002

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		42,315,991,422	40,532,285,267
I. Nợ ngắn hạn		310		41,854,081,422	39,993,612,227
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312	V.18	17,083,041,393	11,888,681,313
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.19	2,405,238,838	489,842,002
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	3,518,195,993	3,876,240,337
5.	Phải trả người lao động	315	V.21	5,440,540,677	4,598,199,032
6.	Chi phí phải trả	316	V.22	3,078,740,064	664,467,178
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	9,275,917,744	17,180,165,025
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	1,052,406,713	1,296,017,340
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn		320		461,910,000	538,673,040
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.25	461,910,000	439,402,500
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.13	-	99,270,540
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		133,895,851,663	131,513,327,735
I. Vốn chủ sở hữu		410		133,895,851,663	131,513,327,735
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	80,630,390,000	80,630,390,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	24,544,846,942	24,544,846,942
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	5,886,298,963	5,038,013,146
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	4,997,435,748	4,467,257,113
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	17,836,880,010	16,832,820,534
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		176,211,843,085	172,045,613,002

CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 930 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13,000,773,645	11,002,618,290
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12, V.14	2,498,134,706	2,615,044,485
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9	(1,860,984,132)	420,303,337
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(55,892,311)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2,716,832,200)	(1,439,084,894)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	84,593,518	474,332
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,949,793,226	12,599,355,550
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11,327,738,912	12,470,251,797
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10,384,356,178)	(1,878,503,934)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2,812,462,070	(8,092,991,364)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		418,348,253	557,882,806
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(84,593,518)	(474,332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(2,578,007,542)	(992,804,971)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		256,200,000	186,061,200
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,141,303,794)	(1,131,718,893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,576,281,429	13,717,057,859
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13	(5,408,442,816)	(1,371,022,415)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	236,663,636	1,200,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	2,332,667,495	1,473,073,959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2,839,111,685)	103,251,544

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)					
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,511,668,085	-
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,511,668,085)	(424,100,822)
5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(7,994,173,100)	(2,343,952,500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7,994,173,100)	(2,768,053,322)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		742,996,644	11,052,256,081
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23,309,581,195	12,257,325,114
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		55,892,311	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24,108,470,150	23,309,581,195
				-	-

Số: 0481/2013/BCTC-KTTV
BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN*

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MỸ PHẨM SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng việt và tiếng anh có giá trị như nhau. bản tiếng việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn A&C

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG



Bên cạnh việc kinh doanh, quan tâm quyền lợi Cán bộ, công nhân viên, cổ đông, khách hàng và với sự đóng góp tích cực từ các Cán bộ, công nhân viên và cổ đông Công ty đã có những hoạt động hướng về cộng đồng. Tổng chi cho các chương trình từ thiện xã hội trong năm 2012 là 850.000.000 đồng thực hiện các chương trình, Chương trình “Cây mùa xuân 2012” , xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ phát động chương trình “ *Người Việt dùng hàng Việt*”, gây quỹ và phát học bổng Lê Duy Tân, Nguyễn Đức Cảnh cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi cho con em cán bộ công nhân viên công ty, nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, tặng quà người nghèo, khuyết tật, người mù, người già neo đơn, Ủng hộ đồng bào thiên tai, lũ lụt, phát quà bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện...



HỆ THỐNG DANH MỤC CÁC CHI NHÁNH, SIÊU THỊ, SHOWROOM

1. Hệ thống chi nhánh

- 1 Chi nhánh TPHCM 59 Nguyễn Văn Cừ, Phường 5, Quận 5, TPHCM
- 2 Chi nhánh tại Hà Nội 14 Đường Trung Yên 3, Trung hòa, Quận cầu giấy TP. Hà Nội.

2. Hệ thống siêu thị

- 1 Hệ thống siêu thị Coopmart 199-205 Nguyễn Thái Học, Quận 1, HCM
- 2 Hệ thống siêu thị Big C 1231 Quốc lộ 1A, KP5, Q Bình Tân, HCM
- 3 Hệ thống siêu thị Maximark 15-17 Cộng Hòa, Q. Tân Bình, Tp.HCM
- 4 Hệ thống siêu thị Vinatex 2 Hoàng Việt , Q Tân Bình, HCM
- 5 Hệ thống siêu thị Lotte Tân Hưng, quận 7, HCM

3. Hệ thống các showroom

- 1 SC Perfum Tax 135B Nguyễn Huệ, Q.1, HCM
- 2 SC Perfum Citi plaza 230 Nguyễn Trãi, Quận 1, HCM
- 3 SC Perfum Tân Bình 15-17 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- 4 SC Perfum Quận 10 Số 3C, đường 3/2, phường 11, Q10, HCM
- 5 SC Perfum Quận 7 Tân Hưng quận 7, HCM
- 6 SC Perfum Phan Thiết Số 1A, đường Nguyễn Tất Thành, phường Bình Hưng, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- 7 SC Perfum Hoàn Kiếm 40 Hàng trống, Quận Hoàn Kiếm Hà Nội
- 8 SC Perfum Hà Đông Siêu thị Co-op mart , Hà Đông, Hà Nội
- 9 SC Perfum Cần Thơ Siêu thị Co-op mart số 01 Hòa Bình, Cần Thơ

**TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch**

